**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP**

**MÔN SINH HỌC 7 KỲ II**

***Câu 1: Trình bày đặc điểm cấu tạo ngoài của thằn lằn thích nghi với đời sống***

***hoàn toàn ở cạn.*=>** Gợi ý:

- Da khô, có vảy sừng bao bọc → giảm sự thoát hơi nước.  
- Cổ dài → phát huy được các giác quan trên đầu, tạo điều kiện bắt mồi dễ dàng.

- Mắt có mi cử động, có nước mắt → bảo vệ mắt, có nước mắt để màng mắt

không bị khô.  
- Màng nhĩ nằm trong 1 hốc nhỏ bên đầu → bảo vệ màng nhĩ và hướng các dao

động âm thanh vào màng nhĩ.  
- Thân dài, đuôi rất → động lực chính của sự di chuyển.  
- Bàn chân có 5 ngón có vuốt → tham gia di chuyển trên cạn.

***Câu 2: Nêu những đặc điểm cấu tạo ngoài của chim bồ câu thích nghi với đời***

***sống bay*=>** Gợi ý:

- Thân hình thoi → giảm sức cản không khí khi bay.

* Chi trước biến thành cánh → quạt gió (động lực của sự bay), cản không khí khi hạ cánh.

- Chi sau có 3 ngón trước, 1 ngón sau → giúp chim bám chặt vào cành cây và khi

hạ cánh.

* Lông ống có các sợi lông làm thành phiến mỏng → làm cho cánh chim khi giang ra tạo nên 1 diện tích rộng.  
  - Lông tơ, các sợi lông mảnh làm thành chùm lông xốp → giữ nhiệt, giúp cơ thể nhẹ.  
  - Mỏ: Mỏ sừng bao lấy hàm không có răng → làm đầu chim nhẹ.  
   Cổ dài khớp đầu với thân → phát huy tác dụng của các giác quan, bắt mồi, rỉa lông.

***Câu 3: Nêu vai trò của chim***

***Câu 4: Nêu đặc điểm chung của Thú.*=>** Gợi ý:

Là động vật có xương sống có tổ chức cao nhất:  
- Có hiện tượng thai sinh và nuôi con bằng sữa mẹ  
- Có bộ lông mao bao phủ cơ thể  
- Là động vật hằng nhiệt

-  Bộ  răng  phân  hóa  3  loại:  răng  cửa,  răng  nanh,  răng hàm  
- Tim 4 ngăn, 2 vòng tuần hoàn, máu nuôi cơ thể màu đỏ tươi  
-  Bộ  não  phát  triển  thể  hiện  rõ  ở  bán  cầu  não  và  tiểu não

***Câu 5: Nêu vai trò của Thú.***

***Câu 6: Hãy kể các hình thức sinh sản ở động vật. Phân biệt các hình thức sinh***

***sản đó.*=>** Gợi ý:

\* Động vật có 2 hình thức sinh sản: Sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính.  
 - Sinh sản vô tính là hình thức sinh sản không có sự kết hợp giữa tế bào sinh dục

đực và cái. Ví dụ: trùng roi, thủy tức  
 - Sinh sản hữu tính là hình thức sinh sản có sự kết hợp giữa tế bào sinh dục đực

(tinh trùng) và tế bào sinh dục cái (trứng). Ví dụ: thỏ, chim,...  
\* Phân biệt sinh sản vô tính và hữu tính:

|  |  |
| --- | --- |
| **Sinh sản vô tính** | **Sinh sản hữu tính:** |
| Không có sự kết hợp tế bào sinh dục đực, cái. | Có sự kết hợp tế bào sinh dục đực, cái |
| - Có 1 cá thể tham gia | - Có 2 cá thể tham gia |
| - Thừa kế đặc điểm của 1 cá thể | - Thừa kế đặc điểm của 2 cá thể |

***Câu 7: Giải thích sự tiến hóa hình thức sinh sản hữu tính.*=>** Gợi ý:

- Từ thụ tinh ngoài → thụ tinh trong  
- Đẻ nhiều trứng → đẻ ít trứng → đẻ con  
 \* Phôi phát triển có biến thái → phát triển trực tiếp không có nhau thai → phát

triển trực tiếp có nhau thai  
 \* Con non không được nuôi dưỡng → được nuôi dưỡng bằng sữa mẹ →  học tập

thích nghi với cuộc sống  
***Câu 8: Nêu đặc điểm thích nghi về cấu tạo và tập tính của động vật ở đới lạnh***

***và hoang mạc đới nóng. Giải thích?*=>** Gợi ý:

***\* Động vật đới lạnh***:

- Bộ lông dày → giữ nhiệt cho cơ thể.

- Mỡ dưới da dày → giữ nhiệt, dự trữ năng lượng, chống rét.  
- Mùa đông: lông màu trắng → lẫn màu tuyết che mắt kẻ thù.  
- Ngủ trong mùa đông → tiết kiệm năng lượng  
- Di cư trong mùa đông → tránh rét, tìm nơi ấm áp.  
- Mùa hè: hoạt động ban ngày → thời tiết ấm hơn để tận dụng nguồn nhiệt.

***\* Động vật hoang mạc đới nóng:***

- Chân dài → vị trí ở cao so với cát nóng, nhảy xa hạn chế ảnh hưởng của cát nóng

 Thân cao, móng rộng, đệm thịt dày→vị trí cơ thể cao, không bị lún, đệm thịt dày để chống nóng.

- Bướu mỡ lạc đà → nơi dự trữ nước.  
- Màu lông nhạt giống màu cát → dễ lẩn trốn kẻ thù.  
- Mỗi bước nhảy cao và xa → hạn chế tiếp xúc với cát nóng

- Khả năng nhịn khát → thời gian tìm được nước rất lâu  
-Chui rúc vào sâu trong cát → chống nóng

Di chuyển bằng cách quăng thân → hạn chế tiếp xúc với cát nóng

-Hoạt động vào ban đêm → tránh nóng ban ngày  
- Khả năng đi xa → tìm nguồn nước phân bố rải rác và rất xa nhau.

***Câu 9: Thế nào là biện pháp đấu tranh sinh học? Kể tên các biện pháp đấu***

***tranh sinh học. Cho ví dụ. Nêu ưu điểm và hạn chế của các biện pháp đấu***

***tranh sinh học.*=>** Gợi ý:

**\* Khái niệm**: Là biện pháp sử dụng sinh vật hoặc sản phẩm của chúng nhằm ngăn

chặn hoặc giảm bớt thiệt hại do các sinh vật hại gây ra.  
**\* Có 3 biện pháp đấu tranh sinh học:   
+ Sử dụng thiên địch:**

- Sử dụng thiên địch tiêu diệt sinh vật gây hại.

VD: cá ăn bọ gậy và ăn ấu trùng sâu bọ.

- Sử dụng thiên địch đẻ trứng kí sinh vào sinh vật gây hại hay trứng của sâu hại.   
VD: Ong mắt đỏ đẻ trứng nên trứng sâu xám, ấu trùng nở ra đục và ăn trứng sâu xám.

**+  Sử dụng vi khuẩn gây bệnh truyền nhiễm cho sinh vật gây hại.**

VD: Dùng vi khuẩn Myoma gây bệnh cho thỏ  
**+ Gây vô sinh diệt động vật gây hại**.

VD: Để diệt loài ruồi gây loét da ở bò, người ta đã làm tuyệt sản ruồi đực  
**\* Ưu điểm và hạn chế của biện pháp đấu tranh sinh học:**+ Ưu điểm:

- Tiêu diệt nhiều sinh vật gây hại.

- Tránh ô nhiễm môi trường

+ Hạn chế:

- Chỉ có hiệu quả ở nơi có khí hậu ổn định

- Thiên địch không diệt được triệt để sinh vật gây hại

-Sự tiêu diệt loài sinh vật có hại này lại tạo điều kiện cho loài sinh vật khác phát triển.

**Câu 10: *Nêu lợi ích của đa dạng sinh học? Nguyên nhân suy giảm và biện pháp  bảo vệ đadạng sinh học.  
\* Lợi ích của đa dạng sinh học:***- Cung cấp thực phẩm→nguồn dinh dưỡng chủ yếu của con người  
- Dược phẩm: 1 số bộ phận của động vật làm thuốc có giá trị

- Trong nông nghiệp: cung cấp phân bón, sức kéo  
- Trong chăn nuôi: làm giống, thức ăn gia súc  
- Làm cảnh, đồ mĩ nghệ, giá trị xuất khẩu

***\* Nguyên nhân suy giảm đa dạng sinh học:***

- Đốt rừng, làm nương, săn bắn bừa bãi

- Khai thác gỗ, lâm sản bừa bãi, lấy đất nuôi thủy sản, du canh, du cư  
- Ô nhiễm môi trường

***\* Bảo vệ đa dạng sinh học:***

- Nghiêm cấm khai thác rừng bừa bãi

- Thuần hóa, lai tạo giống để tăng độ đa dạng sinh học và độ đa dạng về loài.